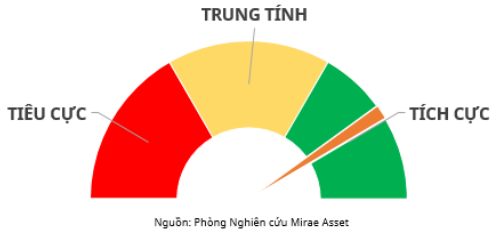


Thang đo sức mạnh thị trường



05 Tháng Mười Một 2021

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

**Tổng quan thị trường**

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,456.51	0.85	7.52	55.32
HNX	427.64	3.77	16.68	209.21
UPCOM	108.20	2.68	11.66	70.91
MSCI EM	1,268.45	0.29	2.58	8.77
NIKKEI	29,611.57	2.75	6.43	22.84
HANG SENG	24,870.51	-2.00	3.18	-3.21
KOSPI	2,969.27	-0.05	0.24	23.01
FTSE	7,312.13	1.03	3.32	23.80
S&P 500	4,680.06	1.82	7.69	33.32
NASDAQ	15,940.31	3.19	10.44	34.05

**Định giá thị trường**

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.03	2.72	15.92
SET INDEX	19.99	1.77	7.65
JCI INDEX	24.74	1.60	-0.73
PCOMP INDEX	25.14	1.82	7.53

**Lãi suất tham chiếu**

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.81	-2	-13	-51
10 năm	2.12	-3	-1	-44

**Tỷ giá ngoại hối**

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,698	0.24	0.26	2.06
US\$/KRW	1,185	-1.40	0.32	-4.79
US\$/JPY	114	0.09	-2.10	-9.10
US\$/EUR	0.87	0.24	0.56	2.58
US\$/GBP	0.74	1.94	1.49	-2.09
US\$/SGD	1.35	-0.35	0.26	-0.23

**Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)**

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,139	991	745
HNX	167	129	108
UPCOM	97	93	53

**Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử**



**Nhận định thị trường**

**Nhóm “cổ phiếu vua” trở lại giúp VN-Index chinh phục 1.450**

Tiếp tục xu hướng tăng điểm trong tuần, VN-Index đã thử thách kháng cự 1.450. Liên tục các phiên từ ngày 2 – 5/11 chỉ số cố gắng vượt kháng cự, trong đó phiên 03/11 đáng chú ý khi là phiên lập thanh khoản kỷ lục với mức khớp lệnh trên HSX trên 41 nghìn tỷ đồng. VN-Index đã chính thức vượt 1.450 trong phiên cuối tuần (05/11) để đóng cửa mức 1.456,51, tính cả tuần VN-Index tăng 12,24 điểm (+0,85%).

Nhóm Bất động sản chịu áp lực chốt lãi mạnh, trong đó VHM và NVL đã làm VN-Index giảm 5,7 điểm. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng, được xem là nhóm “cổ phiếu vua” đã trở lại vai trò dẫn dắt chỉ số với 7/10 vị trí dẫn đầu. Các cổ phiếu BID, SHB, CTG, TCB, EIB, HDB và LPB đã giúp chỉ số tăng 9,2 điểm trong tuần.

Khối ngoại bán ròng hơn 2.000 tỷ đồng trong tuần, trong đó NVL, PAN và SSI là 3 cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với giá trị lần lượt là 583 tỷ đồng, 527 tỷ đồng và 463 tỷ đồng.

Cùng với sự gia tăng về điểm số, thanh khoản trong tuần cũng cải thiện tốt. Xu hướng thị trường tiếp tục tích cực. Chỉ số tiếp tục xu hướng tăng, hướng đến mục tiêu tiếp theo là ngưỡng 1.500. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN)**. P/E của VN-Index hiện đang ở mức 17,03.

**Phạm Bình Phương**, Analyst, 84-8-39102222, [phuong.pb@miraeasset.com.vn](mailto:phuong.pb@miraeasset.com.vn)

**Cập nhật kỹ thuật các chỉ số**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	<b>TIÊU CỰC</b>
Kospi	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Nikkei 225	4	<b>KHẢ QUAN</b>
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	6	<b>KHẢ QUAN</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Bản tin tuần

### Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 7.260 tỷ đồng, đạt 76% tổng lượng phát hành, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu tăng lên 2,5 lần từ mức 1,6 lần của tuần trước. Cụ thể, kỳ hạn 5 năm phát hành thành công 300/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 0,83% (-1bps); Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công toàn bộ 4.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,15% (+0bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.450/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,39% (+1bps); và kỳ hạn 30 năm phát hành thành công 1.010/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,98% (+1bps).
- Tuần sau vào ngày 10/11 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 20 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

### Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 27/10 – 03/11, lãi suất kỳ hạn O/N tăng nhẹ lên mức 0,66% (+1bps), kỳ hạn 1 tuần và 2 tuần có mức giảm nhẹ 1bps và 4bps lần lượt về 0,73% và 0,81%. Các kỳ hạn còn lại ghi nhận các mức giảm mạnh hơn, cụ thể các kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng đã giảm lần lượt và các mức 1,04% (-36bps), 1,66% (-29bps) và 2,56% (-38bps).
- **Tỷ giá VND/USD tại ngày 05/11/21 của NHNN** đã tăng 0,009% so với cuối tuần trước, về mức 23.133 VND/USD. Tỷ giá NHTM giảm 0,31% ở cả chiều mua và 0,306% ở chiều bán về mức 22.550 – 22.780 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do tăng cả chiều mua lẫn bán, lần lượt các mức 0,406% và 0,341% lên mức 23.505 – 23.540 VND/USD..

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/10/2021)	1,456.51	Kháng cự 1	<b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	<b>Tăng</b>	Kháng cự 2	<b>1.550</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	<b>Tăng</b>	Hỗ trợ 1	<b>1.450</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	<b>Tăng</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.400</b>

VN-Index đang trong xu hướng tăng điểm, trong tuần sau nhiều khả năng chỉ số sẽ có biến động lớn quanh mốc 1.450 – 1.460. Nếu chinh phục thành công mốc này, nhiều khả năng VN-Index sẽ tăng tốc hướng về 1.500. Điểm số kĩ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN)**.

**Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)**



Nguồn: Fireant

## Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (5/11/2021)	1,535	Kháng cự 1 <b>1.530</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>KHẢ QUAN</b>	Kháng cự 2 <b>1.550</b>
VN30 – đóng cửa	1.531	Hỗ trợ 1 <b>1.500</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>3.34</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.480</b>

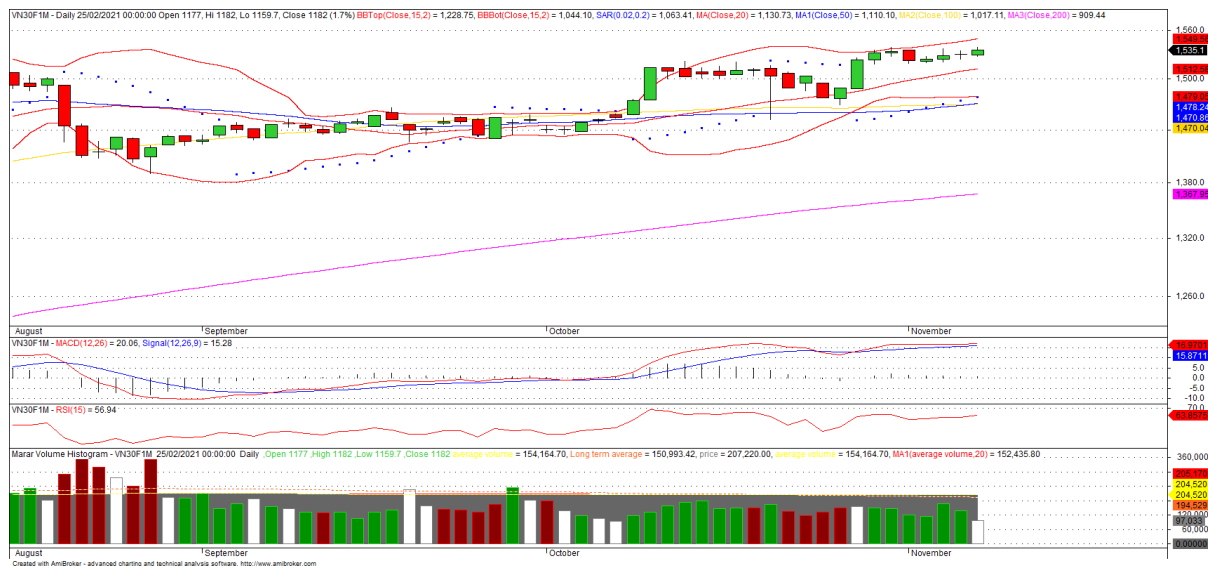
  

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
<b>VN30F1M (chart 15 phút)</b>	6	<b>KHẢ QUAN</b>
<b>VN30F1M (chart 60 phút)</b>	4	<b>KHẢ QUAN</b>
<b>VN30F1M (chart ngày)</b>	5	<b>KHẢ QUAN</b>

VN30F1M đóng cửa tuần ở vùng giá cao nhất trong tuần, bên cạnh đó các tín hiệu về đường xu hướng đang cho tín hiệu KHẢ QUAN. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư có thể mở vị thế LONG theo chiến lược sau

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
<b>+ Short</b>	n/a	<b>+ Long</b>	1,530
<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	n/a	<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	1,525
<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	n/a	<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	1,580

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PNJ	Bán lẻ	108,000	680,380	84	7	
IDC	Bất động sản	86,700	4,329,195	90	5	
BVS	Chứng khoán	38,500	742,025	90	5	Top sức mạnh ngành
VND	Chứng khoán	64,400	7,546,970	98	7	Top sức mạnh ngành
MBS	Chứng khoán	39,300	2,124,235	97	4	Top sức mạnh ngành
VCI	Chứng khoán	71,700	5,435,065	99	4	Top sức mạnh ngành
SHS	Chứng khoán	43,200	5,665,980	95	4	Top sức mạnh ngành
FTS	Chứng khoán	71,200	763,435	87	4	Top sức mạnh ngành
GEX	Điện	32,200	9,554,600	88	7	
DGC	Hóa chất	163,200	1,347,705	93	5	
CSV	Hóa chất	57,800	1,086,975	100	5	
PHR	Nhựa, cao su & sợi	68,300	1,208,190	99	7	Top sức mạnh ngành
ANV	Thủy sản	38,000	1,061,125	77	5	
HBC	Xây dựng	21,900	9,896,515	82	5	

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
SHB	31.5	22,763,050	7	KHẢ QUAN	60,655	13.6	2.1	717
VND	64.4	7,546,970	7	KHẢ QUAN	27,629	12.7	3.2	486
GEX	32.2	9,554,600	7	KHẢ QUAN	25,154	18.6	2.1	308
VGX	27.6	6,974,245	7	KHẢ QUAN	13,800	48.4	2.2	192
LPB	23.05	7,145,715	7	KHẢ QUAN	27,743	10.1	1.7	165
DBC	63.8	1,947,685	7	KHẢ QUAN	7,352	7.5	1.5	124
PHR	68.3	1,208,190	7	KHẢ QUAN	9,255	13.5	2.9	83
PNJ	108	680,380	7	KHẢ QUAN	24,556	25.6	4.4	73
STB	27.65	13,556,910	6	KHẢ QUAN	52,126	14.8	1.6	375
MBB	28.65	11,129,260	6	KHẢ QUAN	108,249	9.7	1.9	319
MSN	147.8	1,108,065	6	KHẢ QUAN	174,483	72.8	8.1	164
HDB	26.7	3,509,750	6	KHẢ QUAN	53,192	9.5	1.9	94
BID	43.6	1,933,530	6	KHẢ QUAN	175,360	17.8	2.1	84
IDC	86.7	4,329,195	5	KHẢ QUAN	26,010	47.8	6.4	375
DGC	163.2	1,347,705	5	KHẢ QUAN	27,920	22.5	5.6	220
HBC	21.9	9,896,515	5	KHẢ QUAN	5,309	52.3	1.4	217
PAN	34.2	6,137,105	5	KHẢ QUAN	7,144	33.7	1.9	210
HCM	42.1	3,690,175	5	KHẢ QUAN	19,263	15.9	3.3	155
SBT	23.2	6,499,435	5	KHẢ QUAN	14,628	21.8	1.8	151
VIX	26.15	5,180,530	5	KHẢ QUAN	7,181	7.9	2.4	135
TCM	80.2	1,154,310	5	KHẢ QUAN	5,715	34.8	3.4	93
ROS	6.13	12,758,245	5	KHẢ QUAN	3,479	19.0	0.6	78
TCB	53	18,342,930	4	KHẢ QUAN	186,078	10.7	2.1	972

SSI	42.9	12,820,415	4	KHẢ QUAN	42,143	19.8	3.1	550
VCI	71.7	5,435,065	4	KHẢ QUAN	23,876	17.2	3.8	390
CTG	32.7	11,136,265	4	KHẢ QUAN	157,148	9.5	1.7	364
FLC	12.55	21,024,240	4	KHẢ QUAN	8,910	5.8	0.9	264
SHS	43.2	5,665,980	4	KHẢ QUAN	14,051	10.6	3.0	245
POW	13	17,041,896	4	KHẢ QUAN	30,444	10.5	1.0	222
ACB	33.5	5,465,140	4	KHẢ QUAN	90,515	9.3	2.1	183
ORS	30.2	4,315,745	4	KHẢ QUAN	6,040	#N/A N/A	2.8	130
TCH	18.5	6,980,925	4	KHẢ QUAN	11,446	14.1	1.2	129
VCB	97.5	1,131,000	4	KHẢ QUAN	361,616	17.1	3.3	110
MBS	39.3	2,124,235	4	KHẢ QUAN	10,516	17.7	3.2	83
PVD	29.5	9,380,645	3	TRUNG TÍNH	12,423	327.6	0.9	277
KBC	49	13,013,055	2	TRUNG TÍNH	27,918	28.7	1.8	638
VHM	82	7,042,215	2	TRUNG TÍNH	357,058	9.9	4.1	577
HHV	20.6	6,363,910	2	TRUNG TÍNH	5,508	35.3	0.9	131
FIT	13.4	9,183,435	2	TRUNG TÍNH	3,413	23.3	1.1	123
AAA	17	7,062,565	2	TRUNG TÍNH	5,549	16.1	1.2	120
LCG	18	6,191,590	2	TRUNG TÍNH	3,140	8.9	1.4	111
NDN	22.9	4,633,455	2	TRUNG TÍNH	1,641	5.7	1.6	106
TVC	21.8	4,558,550	2	TRUNG TÍNH	2,259	4.1	1.5	99
KDC	59.1	1,632,305	2	TRUNG TÍNH	13,656	26.7	2.3	96
FRT	55.4	1,671,285	2	TRUNG TÍNH	4,383	38.4	3.3	93
DCM	35.1	7,655,605	1	TRUNG TÍNH	18,582	20.6	2.8	269
APS	44.1	3,297,505	1	TRUNG TÍNH	3,440	10.3	3.7	145
DIG	55.6	10,131,820	0	TRUNG TÍNH	27,794	31.7	4.7	563
NVL	105	3,248,135	0	TRUNG TÍNH	154,729	44.2	4.5	341
VPB	37.95	8,515,865	0	TRUNG TÍNH	168,706	13.6	2.7	323
SCR	14.95	13,080,075	0	TRUNG TÍNH	5,477	19.4	1.1	196
MWG	132	1,377,055	0	TRUNG TÍNH	94,104	21.5	5.0	182
ITA	8.57	13,523,805	0	TRUNG TÍNH	8,041	48.7	0.7	116
DPG	87.1	1,313,855	0	TRUNG TÍNH	5,487	14.5	4.4	114
DGW	113.8	716,905	0	TRUNG TÍNH	10,060	23.0	6.9	82
IDJ	69.2	1,231,280	-1	TRUNG TÍNH	5,087	29.1	5.8	85
HPG	56.6	25,721,820	-2	TRUNG TÍNH	253,167	8.0	3.0	1,456
NLG	58.7	5,869,465	-2	TRUNG TÍNH	20,267	12.3	2.3	345
BSR	24.2	13,619,980	-2	TRUNG TÍNH	75,032	#N/A N/A	2.4	330
IJC	34.4	8,189,575	-2	TRUNG TÍNH	7,468	10.0	2.3	282
GAS	122.4	1,977,580	-2	TRUNG TÍNH	234,267	28.6	4.8	242
VRE	31.2	7,082,025	-2	TRUNG TÍNH	70,896	32.7	2.3	221
DXG	24.2	9,056,465	-2	TRUNG TÍNH	14,424	18.6	1.7	219
VIC	95	2,256,215	-2	TRUNG TÍNH	361,495	76.1	3.6	214
FPT	97.6	2,162,925	-2	TRUNG TÍNH	88,569	22.0	5.2	211
GVR	40.1	4,719,290	-2	TRUNG TÍNH	160,400	32.2	3.3	189
KDH	48.2	3,619,055	-2	TRUNG TÍNH	30,990	26.0	3.2	174
BCG	26.4	6,058,810	-2	TRUNG TÍNH	7,855	7.4	2.3	160
TPB	43.5	3,647,610	-2	TRUNG TÍNH	50,968	9.8	2.1	159
CII	23.6	5,831,595	-2	TRUNG TÍNH	5,638	1,993.0	1.2	138
HQC	5.45	25,112,260	-2	TRUNG TÍNH	2,597	616.8	0.6	137

LDG	10.6	11,378,920	-2	TRUNG TÍNH	2,538	83.5	0.8	121
BVH	64	1,615,025	-2	TRUNG TÍNH	47,509	25.9	2.2	103
VHC	64.7	1,527,055	-2	TRUNG TÍNH	11,772	14.5	2.1	99
KSB	40.1	2,462,870	-2	TRUNG TÍNH	2,939	11.6	1.7	99
ASM	18.6	5,082,725	-2	TRUNG TÍNH	4,815	8.4	1.0	95
CEO	12.5	6,295,175	-2	TRUNG TÍNH	3,217	#N/A N/A	1.2	79
PET	31.05	2,500,195	-2	TRUNG TÍNH	2,789	14.1	1.6	78
SAM	22.7	3,181,810	-2	TRUNG TÍNH	7,945	66.5	2.1	72
DPM	50.3	7,663,740	-3	TRUNG TÍNH	19,684	12.5	2.2	385
HSG	46.45	10,327,115	-4	TIÊU CỰC	22,922	5.3	2.1	480
VNM	89.2	3,539,130	-4	TIÊU CỰC	186,424	19.8	6.0	316
PVS	28.6	9,750,865	-4	TIÊU CỰC	13,670	24.1	1.1	279
GMD	51	3,798,915	-4	TIÊU CỰC	15,370	35.3	2.6	194
PVT	24.9	5,034,730	-4	TIÊU CỰC	8,059	10.2	1.6	125
VJC	130	884,385	-4	TIÊU CỰC	70,409	466.6	4.2	115
TNG	33.4	3,270,665	-4	TIÊU CỰC	2,869	14.4	2.0	109
HDG	64.1	1,510,460	-4	TIÊU CỰC	10,489	13.3	2.8	97
HT1	24	4,011,295	-4	TIÊU CỰC	9,157	19.8	1.6	96
TTF	9.3	9,797,925	-4	TIÊU CỰC	2,894	#N/A N/A	#N/A N/A	91
FCN	16.4	5,014,715	-4	TIÊU CỰC	2,057	17.5	0.9	82
DLG	7.03	11,427,190	-4	TIÊU CỰC	2,104	#N/A N/A	0.9	80
VOS	22.95	3,473,130	-4	TIÊU CỰC	3,213	8.9	4.4	80
HDC	99.2	777,425	-4	TIÊU CỰC	8,578	24.9	6.3	77
NTL	41.3	2,381,100	-5	TIÊU CỰC	2,519	8.5	2.1	98
NKG	51.5	9,592,470	-6	TIÊU CỰC	11,248	5.4	2.1	494
PDR	94.9	4,665,515	-6	TIÊU CỰC	46,195	29.3	7.5	443
HAH	67.9	1,728,860	-6	TIÊU CỰC	3,218	11.7	2.6	117
PLX	53.9	1,798,215	-6	TIÊU CỰC	68,485	20.3	2.8	97
PC1	37.35	2,327,915	-6	TIÊU CỰC	8,569	13.3	1.9	87

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Cước vận tải biển lao dốc 11 phiên liên tiếp

Chỉ số cước phí chung - bao gồm cước vận tải các loại tàu capesize, panamax và supramax, trong ngày 4/11 giảm 123 điểm, tương đương 4,3%, xuống 2.769, mức thấp nhất trong vòng 5 tháng. Chỉ số này đã giảm hơn 30% trong tháng 10, trong đó riêng tuần cuối tháng giảm trên 20%.

Trong đó, chỉ số cước vận tải bằng tàu capesize giảm 54 điểm, tương đương 1,7%, xuống 3.221, mức thấp nhất kể từ 10/6. Cước vận tải bằng tàu capesize, trọng tải 150.000 tấn các loại hàng hóa như quặng sắt và than - trung bình ngày giảm 452 USD xuống còn 26.710 USD.

Chỉ số cước vận tải bằng tàu panamax giảm 189 điểm, tương đương 5,6%, xuống 3.166, là mức thấp nhất kể từ ngày 9/6. Cước phí trung bình ngày của tàu panamax, tải trọng 60.000 - 70.000 tấn than hoặc ngũ cốc, giảm 1.699 USD còn 28.492 USD.

Chỉ số cước vận tải bằng tàu supramax cũng giảm 165 điểm xuống 2.563, mức thấp nhất kể từ 10/6.

### Giá hàng hoá leo thang

Một hệ thống siêu thị lớn tại TP HCM cho hay, từ đầu tháng 10 đến nay, nhiều nhà sản xuất, cung ứng đề nghị tăng giá bán, trong đó chủ yếu là nhóm hàng nhập khẩu, thực phẩm tươi sống. Hệ thống này đang cân nhắc và có thể chấp thuận điều chỉnh tăng trong khoảng 2-5%.

Ông Võ Thanh Lộc, Giám đốc Marketing, Chuỗi cửa hàng thực phẩm Farmers Market thông tin, các nhà sản xuất, nhập khẩu đã báo tăng giá hàng hoá từ giữa cuối tháng 10, đầu tháng 11. Cụ thể, giá tăng 5-15%, có một số sản phẩm tăng đột biến đến 30%. Do đó, đại diện Farmers Market dự báo giá hàng hoá có thể tăng cao trong thời gian tới, đặc biệt là vào dịp Tết năm nay khi nhu cầu thị trường tăng cao.

Thừa nhận giá dầu ăn đang có xu hướng đi lên, ông Bùi Thanh Tùng, Phó tổng giám đốc Tập đoàn Kido cho hay, so với giai đoạn thấp điểm, giá dầu thực vật đã tăng mạnh trong 9 tháng qua do nguồn cung trên toàn cầu khan hiếm kết hợp với nhu cầu sử dụng cao. Trung bình mỗi thùng dầu trước đây khoảng 14.000 một kg nay tăng lên 32.000 đồng, tức tăng hơn 100%.

Ngoài ra, theo ông Tùng chi phí doanh nghiệp tăng cao do dịch bệnh cũng tác động đến giá thành sản phẩm. Cụ thể, khi doanh nghiệp triển khai 3 tại chỗ, chi phí trên đã tăng 12-15% so với bình thường. Nay doanh nghiệp tiếp tục gánh thêm chi phí vận chuyển và logistics tăng đáng kể do giá xăng dầu tăng mạnh. Điều này đang tạo áp lực tăng giá hàng hoá lên doanh nghiệp.

### Gần 120.000 tỷ đồng được 'bơm' ra nền kinh tế trong 3 tuần

Theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đến ngày 29/10, tín dụng toàn nền kinh tế đạt gần 10 triệu tỷ đồng, tăng 8,7% so với cuối năm 2020 (cao hơn mức 6,5% của cùng kỳ).

Trước đó, theo ông Nguyễn Tuấn Anh, Vụ trưởng Tín dụng Các ngành kinh tế đến 7/10, tín dụng toàn hệ thống tăng 7,42% so với cuối năm 2020. Trong 3 tuần cuối tháng 10, tín dụng toàn nền kinh tế đã tăng 1,3 điểm phần trăm, tương đương khoảng 120.000 tỷ đồng được đẩy thêm ra thị trường.

### TP HCM tăng tốc xây nhà ở cho công nhân

Thành phố Thủ Đức vừa tổ chức lễ khởi công dự án nhà ở xã hội cho công nhân nằm trên khu đất có diện tích 20.875m2 gần Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi. Dự án có mật độ xây dựng 60% với hơn 1.000 căn hộ. Dự kiến, khu nhà ở này hoàn thành vào quý IV/2024, góp phần tạo quỹ nhà ở xã hội cho công nhân.

Ông Hoàng Tùng, Chủ tịch UBND thành phố Thủ Đức cho biết, đây là một trong những dự án dành cho công nhân đầu tiên khi thành phố Thủ Đức được thành lập, đáp ứng chủ trương TP HCM xây 1 triệu căn nhà giá rẻ cho công nhân, người thu nhập thấp.

Trong khi đó, ông Hoàng Minh Tuấn Anh, Chủ tịch UBND quận 7 cho biết, đã có công văn đề xuất UBND TP HCM xem xét về việc sử dụng tạm thời 8 khu đất trên địa bàn quận để xây nhà lưu trú cho công nhân tại các khu chế xuất, khu công nghiệp trong thời hạn 3 năm.



Tám khu đất này có tổng diện tích hơn 13ha, hiện đều do các đơn vị nhà nước quản lý và sử dụng.

Tương tự, một khu đất tái định cư rộng 15ha tại xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh cũng được UBND TP HCM giao Sở Xây dựng nghiên cứu, đề xuất phương thức đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ công nhân.

Ông Trần Hoàng Quân, Giám đốc Sở Xây dựng TP HCM cho biết, giai đoạn 2021-2025, TP HCM dự kiến xây dựng 50 triệu m<sup>2</sup> sàn, 366.000 sản phẩm. Trong đó, có 30.000 căn nhà ở xã hội cho công nhân và người thu nhập thấp trên địa bàn.

### **Doanh nghiệp suy kiệt, 'ngóng' gói phục hồi kinh tế từng ngày**

Trong báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tài chính, ngân sách trình Quốc hội, Ủy ban Tài chính ngân sách cho rằng cần thiết triển khai gói kích thích, phục hồi kinh tế, tạo đòn bẩy cho tăng trưởng, đặc biệt trong bối cảnh GDP quý III giảm mạnh.

Trước đó hồi đầu tháng, trong buổi làm việc với VCCI và gặp gỡ đại diện giới doanh nhân, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho biết sẽ có gói hỗ trợ lớn hơn để tái thiết kinh tế.

Khảo sát gần đây của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho thấy xấp xỉ 94% doanh nghiệp chịu ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch, khoảng 71% doanh nghiệp tiếp tục giảm doanh thu so với năm trước đó, 96% doanh nghiệp gặp các vấn đề liên quan đến tiếp cận khách hàng, mất cân đối dòng tiền, quản lý nhân công hoặc đứt gãy chuỗi cung ứng

Theo ông Hoàng Quang Phòng, Phó Chủ tịch VCCI, việc mở rộng quy mô các gói hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó COVID-19 là cần thiết. Với GDP ước tính năm 2020 của Việt Nam là gần 6,3 triệu tỷ đồng, các gói hỗ trợ có thể mở rộng đến 4% GDP, tương đương 250.000 tỷ đồng, hoặc hơn nữa để giải quyết các khó khăn trong hiện tại và hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Do vậy, ông Phòng kiến nghị: Chính phủ cần nhắc ban hành một số chính sách tài khóa, tiền tệ có tính chất đột phá. Với tình thế "sống còn", tình trạng "kiệt quệ" hiện nay các doanh nghiệp đề nghị Chính phủ xem xét các chính sách trực tiếp với mức độ mạnh hơn nữa.

### **RCEP sẽ có hiệu lực từ 1/1/2022**

Tính đến ngày 2/11, Ban thư ký ASEAN đã nhận được văn kiện phê chuẩn/chấp thuận (IOR/A) từ 6 quốc gia thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) gồm Brunei, Campuchia, Lào, Singapore, Thái Lan và Việt Nam, cũng như từ 4 quốc gia ký kết khác gồm Australia, Trung Quốc, Nhật Bản và New Zealand.

Theo quy định, thỏa thuận này sẽ tự động có hiệu lực sau 60 ngày kể từ khi đạt được số lượng IOR/A tối thiểu. Điều này có nghĩa là RCEP sẽ chính thức có hiệu lực vào ngày 1/1/2022.

### **Cục Hàng không Việt Nam đề xuất mở lại đường bay quốc tế thường lệ từ tháng 1/2022**

Theo đó, Cục Hàng không Việt Nam đề xuất tái khởi động các chuyến bay quốc tế thường lệ trước hết bằng việc khôi phục các chuyến bay trọn gói (combo) trong giai đoạn 1 cho các đối tượng là công dân Việt Nam.

Cùng với đó, tổ chức chuyến bay thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến một số địa phương như: Phú Quốc, Khánh Hòa, Quảng Ninh....

Cụ thể, theo kế hoạch mà Cục Hàng không Việt Nam xây dựng, dự kiến các chuyến bay combo sẽ được mở tại các thị trường: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Singapore, Thái Lan, Malaysia, Pháp, Đức, Nga, Australia và các thị trường khác khi có nhu cầu luân chuyển lao động. Tần suất khai thác được quyết định theo năng lực tiếp nhận cách ly của địa phương, chỉ được cấp phép bay sau khi phương án tiếp nhận cách ly được địa phương thống nhất.

Với chuyến bay thí điểm đón khách du lịch quốc tế, Cục Hàng không Việt Nam đề xuất không hạn chế thị trường, áp dụng với khách người nước ngoài có xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 bằng phương pháp RT-PCR/RT-LAMP được lấy mẫu trong vòng 72 giờ trước chuyến bay đầu tiên trong hành trình vào Việt Nam hoặc theo hướng dẫn mới của Bộ Y tế; có chứng nhận tiêm đủ liều vaccine phòng COVID-19.

Trong đó, liều cuối cùng tiêm trong thời gian ít nhất 14 ngày và không quá 12 tháng tính đến thời điểm xuất phát. Hoặc, có giấy xác nhận khỏi bệnh COVID-19 không quá 6 tháng tính

đến thời điểm xuất phát và phải đăng ký tham gia chương trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp lữ hành.

Tần suất khai thác tới mỗi địa phương thực hiện thí điểm du lịch quốc tế trọn gói trung bình 1 chuyến bay/ngày (tổng cộng từ 4.000 - 6.000 lượt khách đến trong tháng đầu tiên) và tăng lên 2 chuyến bay/ngày trở lên trong tháng tiếp theo.

Trong giai đoạn 2 từ tháng 1/2022, Cục Hàng không Việt Nam đề xuất thí điểm các chuyến bay thường lệ chỉ chờ khách có giấy chứng nhận đã tiêm đủ liều vaccine phòng COVID-19 hoặc có xác nhận khỏi bệnh COVID-19 vào Việt Nam mà không yêu cầu có văn bản đồng ý cho vào Việt Nam của các cơ quan chức năng trừ các yêu cầu về xuất nhập cảnh và kiểm soát y tế.

### **Bamboo Airways ký thỏa thuận 2 tỷ euro với Tập đoàn Safran**

Tối 3/11 theo giờ địa phương (tức rạng sáng 4/11 theo giờ Việt Nam), Bamboo Airways và Tập đoàn Safran đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác (MoU) trị giá 2 tỷ euro dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Việt Nam Phạm Minh Chính và Thủ tướng Pháp Jean Castex tại thủ đô Paris (Pháp).

Tại sự kiện, ông Trịnh Văn Quyết, Chủ tịch Bamboo Airways và ông Alexandre Ziegler - Phó Chủ tịch cấp cao Safran đã ký kết thỏa thuận về việc lựa chọn động cơ LEAP-1A và các thiết bị máy bay cho đơn hàng 50 chiếc Airbus A321NEO và 30 máy bay Boeing 787-9 Dreamliner của Bamboo Airways.

Đồng thời, hãng đã ký kết các thỏa thuận gói mua trang thiết bị máy bay gồm hệ thống điện tử, nội thất, ghế, càn, và phanh bánh cho Boeing 787-9 và A321NEO với các công ty con khác của Safran trong lĩnh vực thiết kế, sản xuất ghế hạng thương gia và hạng nhất; các loại thiết bị hạ cánh, bánh xe và phanh; các sản phẩm quang điện tử, điện tử hàng không và phần mềm.

CFM International nói riêng và Tập đoàn Safran nói chung là các đối tác của Bamboo Airways từ lâu. Đội tàu A320NEO của Bamboo Airways được trang bị động cơ LEAP-1A của CFM International từ những ngày đầu thành lập.

### **KDH: Lãi ròng quý 3 giảm 12%, dòng tiền kinh doanh âm 854 tỷ đồng**

Theo BCTC hợp nhất quý 3/2021, KDH ghi nhận doanh thu thuần quý 3 gần 1,199 tỷ đồng, giảm 32% so với cùng kỳ năm trước. Nhờ giá vốn giảm mạnh hơn nên lãi gộp chỉ giảm 12%, xuống còn 477 tỷ đồng.

Kỳ này, chi phí tài chính tăng 23%, lên gần 27 tỷ đồng, biến động chủ yếu ở khoản chiết khấu thanh toán. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 13% do tăng chi phí lương. Ngược lại, chi phí bán hàng giảm 71%, xuống còn gần 8 tỷ đồng, nhờ giảm chi phí hoa hồng và quảng cáo.

Kết thúc quý 3, KDH báo lãi ròng giảm 12% so cùng kỳ, còn 317 tỷ đồng.

Đáng chú ý, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm hơn 854 tỷ đồng, cùng kỳ dương 1,180 tỷ đồng, biến động lớn từ khoản phải trả, phải thu, hàng tồn kho và chi phí trả trước. Dòng tiền đầu tư cũng âm hơn 25 tỷ đồng.

### **Thế giới Di động mua 5.000 tỷ trái phiếu dài hạn khi đang vay ngắn hạn 18.000 tỷ đồng**

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG) đã công bố BCTC hợp nhất quý 3/2021 với lợi nhuận thuần giảm so với cùng kỳ do tác động của đại dịch Covid-19, tương đương 967 tỷ đồng. Đáng chú ý, trong kỳ Công ty ghi nhận khoản doanh thu tài chính đột biến, chủ yếu là lãi tiền gửi với 686 tỷ đồng - cao gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2020.

Hiện, Công ty đang có khoản đầu tư ngắn hạn khoảng 6.814 tỷ đồng. Theo thuyết minh, đây bao gồm khoản tiền gửi ngắn hạn và trái phiếu ngắn hạn có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm, hưởng lãi theo lãi suất dao động từ 6%-8,65%/năm. Trong khi, tiền và tương đương tiền của Công ty tiếp tục giảm xuống còn 3.215 tỷ đồng, tức giảm hơn 1.300 tỷ so với cuối quý 2 và giảm hơn một nửa so với đầu năm.

Song song, trong kỳ MWG cũng xuất hiện khoản đầu tư tài chính dài hạn hơn 5.000 tỷ đồng. Được biết, đây là các khoản đầu tư trái phiếu thông qua các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 3-5 năm và hưởng lãi suất từ 7,6%-9,3%/năm.

### **Cổ đông ngoại TAEL đăng ký bán nốt hơn 9 triệu cổ phiếu PAN, dự thu về 307 tỷ đồng**

Cập nhật mới nhất, TAEI Two Partner tiếp tục đăng ký bán ra toàn bộ hơn 9,3 triệu cổ phiếu PAN của CTCP Tập đoàn PAN, tương ứng 4,47% vốn điều lệ.

Hoàn tất giao dịch, TAEI sẽ chính thức rời ghế cổ đông tại Tập đoàn này. Dự kiến giao dịch thực hiện từ 10/11 đến 9/12/2021.

Tạm tính theo thị giá chốt phiên gần nhất, giao dịch thoái vốn trên có thể mang về cho TAEI 307 tỷ đồng.

Quý ngoại này gần đây liên tiếp có động thái bán ra cổ phiếu PAN. Cụ thể chỉ vài ngày trước, TEAL vừa đăng ký bán ra 15 triệu cổ phiếu trong thời gian từ 4/11 đến 3/12/2021. Trước đó, quý cũng đã hoàn tất bán ra 5,7 triệu cổ phiếu PAN trong thời gian từ 21-25/10.

**Mảng Khu công nghiệp đột phá, Viglacera (VGC) báo lãi ròng quý 3 đạt 200 tỷ đồng, vượt 9% mục tiêu lợi nhuận năm sau 9 tháng**

Tổng Công ty Viglacera – CTCP (mã chứng khoán VGC) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 và 9 tháng đầu năm 2021.

Cụ thể, tính riêng quý 2, doanh thu thuần Viglacera đạt 2.207 tỷ đồng, giảm nhẹ 4% so với quý 3 năm ngoái. Khấu trừ chi phí giá vốn, lợi nhuận gộp giảm 13% so với cùng kỳ xuống còn 556 tỷ đồng. Biên lãi gộp đạt 25%.

Doanh thu tài chính trong quý chỉ còn hơn 7 tỷ đồng, giảm 41% trong khi chi phí tài chính đạt 34 tỷ đồng, giảm 29% so với quý 3/2020.

Kết quả, quý 3 Viglacera ghi nhận lãi sau thuế đạt 209 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ xấp xỉ 200 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu hợp nhất của Viglacera đạt 7.508 tỷ đồng, tăng 6% cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, riêng doanh thu từ cho thuê BĐS, hạ tầng khu công nghiệp ghi nhận 2.179 tỷ đồng, chiếm 29%; ngoài ra doanh thu bán gạch ốp lát đạt 1.751 tỷ đồng và từ các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung ghi nhận 1.226 tỷ đồng.

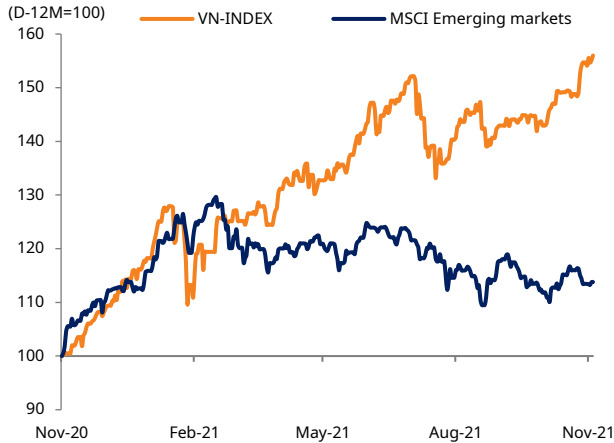
**Lợi nhuận MWG tháng 9 phục hồi, quý III ghi nhận mức thấp nhất trong 3 năm**

Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) công bố riêng tháng 9, doanh thu thuần đạt 8.235 tỷ đồng và 333 tỷ đồng, lần lượt tăng 28% và 50% so với tháng 8 sau khi các cửa hàng được phép hoạt động trở lại tại một số tỉnh thành. So với cùng kỳ năm trước, doanh thu giảm nhẹ và lợi nhuận tăng 19%.

Xét chung quý III, chịu ảnh hưởng của đợt dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4, MWG ghi nhận doanh thu 24.334 tỷ đồng, giảm 7%; lợi nhuận sau thuế 786 tỷ đồng, giảm 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức lợi nhuận thấp nhất trong vòng 11 quý qua.

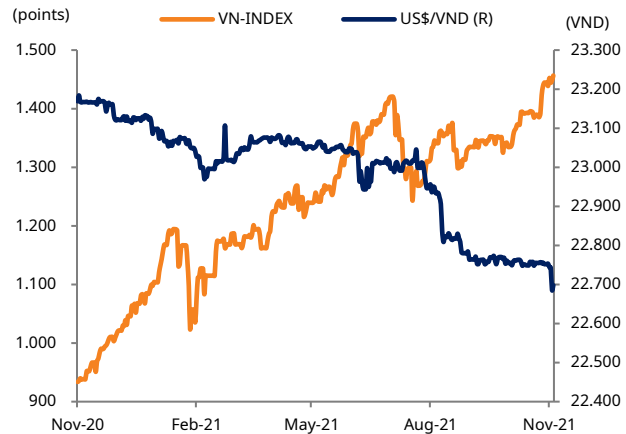
Điều này khiến cho doanh thu thuần 9 tháng còn tăng 7% đạt 86.820 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế tăng 12% đạt 3.338 tỷ đồng. Công ty thực hiện 69% kế hoạch doanh thu và 70% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



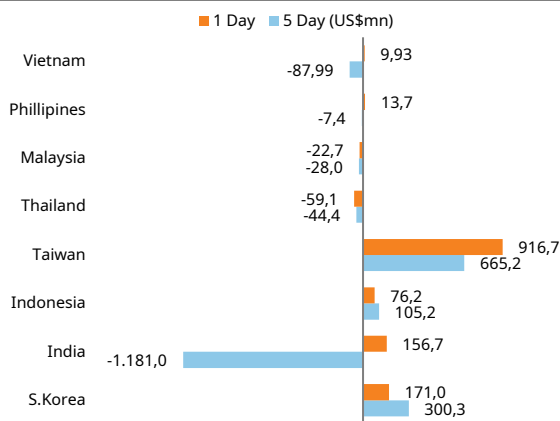
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



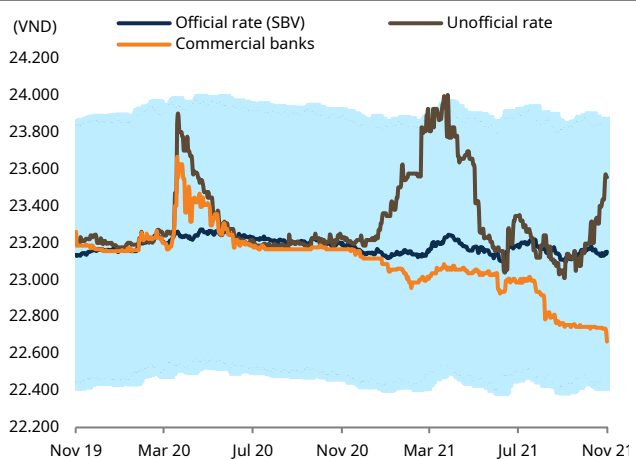
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



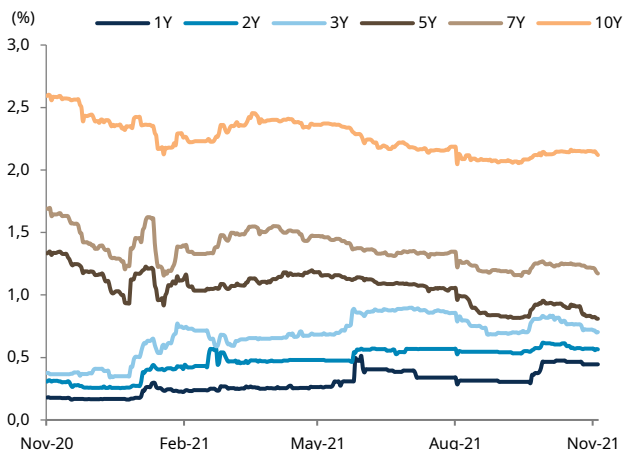
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



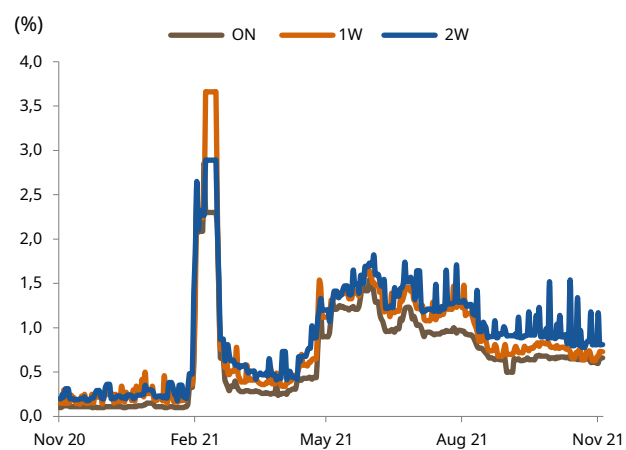
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,531.76</b>	<b>3,998,724</b>		<b>0.2</b>	<b>0.0</b>	<b>5.2</b>	<b>69.5</b>	<b>14.6</b>	<b>12.3</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>35.8</b>	<b>19.3</b>	<b>22.7</b>	<b>20.6</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	33,500	90,515	30.0	0.0	1.5	6.3	68.2	9.3	7.4	2.0	1.6	28.7	25.5	25.3	24.8
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	43,600	175,360	16.6	-0.9	5.1	10.9	11.7	18.9	13.4	2.0	1.9	59.8	41.0	13.2	16.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	64,000	47,509	26.6	0.8	-1.1	6.8	22.6	27.2	26.0	2.2	2.1	12.1	4.9	8.6	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,700	157,148	24.6	0.3	3.8	10.8	39.5	10.1	8.2	1.5	1.3	13.9	23.5	18.5	20.3
CTCP FPT	FPT VN	97,600	88,569	49.0	1.7	0.7	3.4	115.8	21.7	18.0	4.6	4.1	25.7	20.5	24.0	25.1
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	122,400	234,267	2.6	4.5	-1.7	12.3	71.2	25.2	20.5	4.6	4.2	20.4	23.0	18.7	21.4
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	40,100	160,400	0.6	0.4	0.8	6.9	169.1	40.6	36.3	3.0	2.9	4.8	11.8	9.4	10.3
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	26,700	53,192	17.5	-1.3	5.7	9.0	68.1	9.6	8.4	1.8	1.5	30.0	14.4	21.9	21.0
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	56,600	253,167	24.9	0.5	-0.9	2.4	152.6	8.0	8.1	2.7	2.1	149.8	-1.2	41.4	29.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	48,200	30,990	30.6	1.6	-5.5	16.0	112.5	28.7	20.8	3.3	2.8	-10.4	38.1	12.3	14.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,650	108,249	23.2	-0.9	0.5	4.6	113.3	9.0	7.5	1.7	1.4	44.5	20.6	22.0	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	147,800	174,483	32.2	-0.1	-2.1	4.7	68.1	50.3	28.8	8.9	6.8	178.7	74.9	18.1	22.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	132,000	94,104	49.0	1.6	0.5	4.1	85.4	19.6	15.1	4.3	3.8	16.6	30.1	24.5	27.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	105,000	154,729	8.5	1.0	-3.9	0.6	132.0	36.3	21.2	4.3	3.6	-1.3	70.9	18.0	16.3
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	94,900	46,195	3.4	1.3	-1.1	13.0	192.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	53,900	68,485	17.4	2.3	-0.4	0.0	10.7	18.8	16.6	2.9	2.8	317.2	13.6	16.3	17.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	108,000	24,556	48.0	3.8	3.8	11.3	48.8	24.3	19.0	4.4	3.8	3.2	27.9	18.8	22.2
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,000	30,444	3.0	2.8	2.8	2.0	33.1	13.6	12.9	1.0	0.9	-4.2	5.5	7.4	7.9
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	172,000	110,300	62.7	0.1	7.2	7.2	-6.8	25.8	21.4	5.0	4.4	-6.4	20.5	21.2	23.0
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	42,900	42,143	42.6	-0.2	5.9	6.2	276.5	21.9	19.6	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	27,650	52,126	16.3	0.7	3.9	7.4	107.1	15.4	10.8	1.5	1.3	44.2	41.8	10.6	12.3
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	53,000	186,078	22.5	-0.6	2.7	7.9	143.1	10.9	9.2	2.0	1.7	38.1	19.0	20.8	20.1
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	43,500	50,968	30.0	-0.6	-3.0	2.4	127.1	10.3	8.6	2.0	1.6	24.6	19.4	22.6	20.3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,500	361,616	23.5	-0.9	-0.5	2.0	14.7	18.4	14.4	3.1	2.5	18.8	27.6	19.7	20.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	82,000	357,058	22.9	-0.8	-4.1	3.3	40.8	10.5	10.0	3.1	2.4	22.4	4.7	33.1	27.0
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	95,000	361,495	13.7	0.0	-0.8	7.2	2.3	65.9	47.7	3.9	3.7	-4.1	38.3	4.3	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	130,000	70,409	17.0	0.3	-1.5	-0.6	23.0	NA	36.4	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,200	186,424	54.7	0.9	-1.7	-0.4	-18.0	18.7	17.4	5.7	5.5	-0.2	8.0	32.8	34.1
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	37,950	168,706	27.5	-0.1	-0.3	9.1	188.2	13.2	11.3	2.2	1.8	20.7	17.6	18.5	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,200	70,896	29.5	-1.1	0.0	9.7	19.5	37.0	20.3	2.4	2.3	-19.4	81.7	6.6	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>12.24</b>	<b>5,627,270</b>	<b>0.6</b>	<b>0.8</b>	<b>7.5</b>	<b>55.3</b>	<b>16.9</b>	<b>13.7</b>	<b>2.8</b>	<b>2.4</b>	<b>35.4</b>	<b>23.6</b>	<b>20.8</b>	<b>19.4</b>
Ô tô và phụ tùng	0.06	9,631	2.3	2.5	2.8	63.2	8.3	7.1	1.4	1.3	20.0	16.4	11.3	12.2
Ngân hàng	11.23	1,723,028	-0.4	2.8	7.2	53.6	12.3	9.7	2.0	1.7	32.5	25.4	17.7	18.2
Xây dựng cơ bản	2.34	260,007	1.7	3.9	28.4	136.6	8.8	7.6	0.8	0.6	35.1	21.1	9.5	8.9
Dịch vụ thương mại	0.04	5,460	0.2	2.6	5.9	44.4	7.4	5.8	NA	NA	10.8	39.0	9.2	12.0
May mặc và trang sức	0.32	52,226	3.2	2.5	13.1	117.0	16.8	13.3	3.0	2.6	18.0	26.4	15.1	17.0
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	9,328	0.3	0.6	3.0	31.5	NA	14.5	NA	NA	NA	NA	-9.4	3.8
Dịch vụ tài chính	3.94	167,034	0.0	9.9	17.3	316.0	6.7	8.0	0.9	0.8	85.4	-10.8	4.3	4.4
Năng lượng	0.04	93,707	2.4	0.2	2.9	42.2	128.7	16.7	2.4	2.3	NA	NA	13.3	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.50	592,487	0.9	1.2	4.8	22.1	27.3	18.9	5.5	4.7	62.1	33.2	20.5	22.5
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	1,433	4.2	-0.2	2.7	73.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.01	1,779	-0.7	-1.1	-3.5	-3.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.19	58,826	0.7	-1.2	7.6	33.4	24.2	23.4	2.0	1.9	17.5	2.9	7.9	8.0
Nguyên vật liệu	0.64	613,173	1.3	0.5	6.3	170.7	17.1	15.7	2.5	2.1	97.6	5.1	24.9	19.7
Giải trí và truyền thông	0.01	1,450	0.6	2.2	10.6	-22.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.06	37,995	1.7	0.8	16.5	49.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-6.23	1,268,628	0.3	0.6	1.6	23.1	9.6	8.4	1.6	1.4	4.3	14.7	8.5	9.1
Bán lẻ	0.14	105,611	0.0	-1.7	8.7	61.6	33.8	21.4	2.8	6.5	10.7	44.2	14.5	13.4
Phần mềm và dịch vụ	0.18	96,893	1.6	0.5	5.2	84.8	19.5	14.7	4.0	3.5	31.9	31.1	22.4	25.2
Thiết bị và phần cứng	0.01	10,060	1.6	0.7	3.6	117.1	19.9	16.6	4.2	3.8	27.2	20.2	22.0	23.1
Dịch vụ viễn thông	-0.03	2,398	2.5	0.3	-2.3	284.5	22.7	17.6	6.5	5.0	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	-0.06	204,562	2.5	-4.7	4.5	458.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.01	332,783	0.6	0.1	3.1	78.9	5.1	16.8	23.2	0.5	18.0	NA	-72.3	44.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	43,600	5.1	3,348,740	2.2
SAB VN	172,000	7.2	163,040	1.9
SHB VN	31,500	12.7	29,136,760	1.8
CTG VN	32,700	3.8	14,488,480	1.5
TCB VN	53,000	2.7	22,548,320	1.3
EIB VN	25,300	12.4	774,000	0.9
GEX VN	32,200	15.2	16,172,080	0.9
VND VN	64,400	13.0	9,888,200	0.8
HDB VN	26,700	5.7	5,824,300	0.8
LPB VN	23,050	10.8	13,578,840	0.7

Nguồn: Bloomberg

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	82,000	-4.1	8,644,660	-4.0
NVL VN	105,000	-3.9	3,804,740	-1.7
GAS VN	122,400	-1.7	1,695,360	-1.1
MSN VN	147,800	-2.1	1,285,360	-1.0
VNM VN	89,200	-1.7	4,137,640	-0.8
VIC VN	95,000	-0.8	2,221,660	-0.8
HPG VN	56,600	-0.9	26,996,360	-0.6
VCB VN	97,500	-0.5	1,162,300	-0.5
KDH VN	48,200	-5.5	4,091,380	-0.5
TPB VN	43,500	-3.0	3,542,800	-0.4

#### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.